

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2020

V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp 6, xã Phương T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Chị **Trần Huệ T**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 6, xã Phương T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
(*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2020; biên bản hòa giải ngày 19/3/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn C là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/4/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018, sau năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị T bỏ nhà đi mà không về nhà và không liên lạc về nhà. Sau khi chị T bỏ nhà đi anh C đã tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành nên khoảng tháng 10/2019, anh C nộp đơn tại Tòa án huyện Cao Lãnh yêu cầu ly hôn với chị T nhưng sau đó anh đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, sau khi rút đơn để vợ chồng tiến hành hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Anh C, chị T đã

ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm với nhau.

Nhận thấy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh Nguyễn Văn C yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Huệ T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/4/2000 và Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 24/8/2005. Hiện nay, con chung Quyền N đang sống với chị T. Theo đơn khởi kiện anh C yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải ngày 19/3/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh C thay đổi ý kiến, anh C đồng ý để con chung Quyền N cho chị T nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Văn C đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ và cũng không cho ai nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/3/2020, chị Trần Huệ T là bị đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T thừa nhận anh C, chị T kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/4/2003. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là có thật, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tuy nhiên, khoảng hơn một năm trước, anh C đi làm ở Long An và từ đó không quan tâm đến vợ con và vợ chồng ly thân với nhau từ thời gian đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị T có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng anh C không đồng ý.

Do còn thương các con, muốn các con có đầy đủ cha mẹ nên chị T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh C. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng chị T cũng không có phương án gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng do anh C không quan tâm vợ con.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/4/2000 và Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 24/8/2005. Hiện nay, con chung Quyền N đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung Quyền N, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với con chung Nguyễn Văn C đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu ly hôn với chị Trần Huệ T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Trần Huệ T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 6, xã Phương T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trần Huệ T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C, Hội đồng xét xử nhận định: Anh C và chị T kết hôn với nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 04/4/2003, do đó hôn nhân giữa anh C và chị T là hợp pháp.

Anh C cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi từ tháng 10/2018 đến nay; Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Anh C, chị T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Chị T, thừa nhận đời sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là có thật; Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C đi làm xa không quan tâm, chăm sóc vợ con. Anh C, chị T đã ly thân nhau hơn 01 năm nay. Trong thời gian ly thân anh C, chị T nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Chị T không đồng ý ly hôn vì muốn các con có đầy đủ cha mẹ; Nhưng chị T không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa anh C và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn C.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống, anh C, chị T có 02 con chung tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/4/2000 và Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 24/8/2005. Hiện nay, con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, anh C đồng ý để con chung cho chị T nuôi dưỡng con chung. Tại văn bản ý kiến ngày 19/3/2020 con chung Nguyễn Thị Quyền N có nguyện vọng được sống chung với chị T. Xét thấy việc thỏa thuận giữa anh C và chị T là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Giao con chung tên Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 24/8/2005 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Đối với con chung Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/4/2000 đã trưởng thành, anh C và chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lai số 0009629 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn C.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Cường được ly hôn với chị Trần Huệ T.

2. Về con chung: Chị Trần Huệ T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Quyền N, sinh ngày 24/8/2005. Anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Đối với con chung Nguyễn Văn C, sinh ngày 20/4/2000 đã trưởng thành, anh C và chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009629 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Hữu Hà